

Số: **519/2021/QĐST-HNGĐ**

Bình Chánh, ngày 05 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ vào Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự (về việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành về thuận tình ly hôn) đề ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

Người yêu cầu:

1/ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Căn E40-15 tổ 10, ấp Cầu S, xã Lai U, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

2/ Ông **Nguyễn Quốc Kh**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: D8/36 ấp D, xã Vĩnh L, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quốc Kh thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/10/2010 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Huyền và ông Khương cùng yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận về con chung như sau: Ông Nguyễn Quốc Kh là người trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Thị Trà M (nữ), sinh ngày 25/5/2011 và Nguyễn Thị Nhã Th (nữ), sinh ngày 02/01/2017. Bà Trần Thị H tự nguyện hỗ trợ ông Nguyễn Quốc Kh số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng chi phí cho việc nuôi dưỡng 02 con chung trong thời gian ly thân từ tháng 9/2020 đến tháng 4/2021 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng đến khi các trẻ Nguyễn Thị Trà M (nữ), sinh ngày 25/5/2011 và Nguyễn Thị Nhã Th (nữ), sinh ngày 02/01/2017 trưởng thành.

Trường hợp bà Trần Thị H không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì ông Nguyễn Quốc Kh có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc bà Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi ông Nguyễn Quốc Kh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì bà Trần Thị H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quốc Kh đều xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí yêu cầu công nhận kết quả hòa giải tại Tòa án là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quốc Kh thỏa thuận cả hai cùng tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081397 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quốc Kh đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Các đương sự có quyền đề nghị xem xét lại Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định nếu có căn cứ cho rằng nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đường sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- UBND xã Nhân B, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (1).
- Lưu hồ sơ vụ án (3).



THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền